

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ SÔNG CẦU  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2020/HSST  
Ngày: 06/8/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tôn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Ngọc Hiền
2. Ông Trần Hoàng Phong

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Thông - Kiểm sát viên.

Lúc 08 giờ 00 phút ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Võ Quang A** - sinh năm: 1988; Tên gọi khác: A đại nhân; Nơi sinh và nơi cư trú: Khu phố Long Hải D, phường Xuân Y, thị xã C, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; con ông: Võ Văn U, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; Vợ: Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1987; Con ruột: 03 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 16/9/2010, bị TAND thị xã C xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Đức B** - sinh năm: 1962; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh và nơi cư trú: 02/1 Lê Thành P, phường 2, thành phố Tuy A, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Lao

động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Đức P, sinh năm 1937 (chết) và bà: Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1937; Vợ: Lê Thị G, sinh năm 1962; Con ruột: 04 người, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1991. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

\* *Người bị hại:* Vợ chồng ông **Mai H** – sinh năm 1950 và bà **Nguyễn Thị X** – sinh năm 1953; Cùng trú tại: khu phố Mỹ T, phường Xuân T, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* *Người làm chứng:*

1. Chị **Nguyễn Thị Bích Y** – sinh năm 1986; Trú tại: khu phố Mỹ T, phường Xuân T, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

2. Anh **Mai Thanh F** – sinh năm 1985 (tên gọi khác: ‘Đen’); Trú tại: khu phố Mỹ T, phường Xuân T, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

3. Chị **Trần Thị Thanh H** – sinh năm 1991; Trú tại: thôn Lê U, xã Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

4. Ông **Trương Minh Z** – sinh năm 1975; trú tại: thôn Phước Lộc 1, xã A Thành, huyện Đông A, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 14/9/2018, Mai Văn V bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã C tạm giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Do Võ Quang A có mối quan hệ quen biết với Mai Văn V từ trước nên A đã liên hệ với Nguyễn Đức B để đặt vấn đề lo cho Thân được tại ngoại thì B nói cần số tiền 20.000.000 đồng để lo cho Thân được tại ngoại. Ngày 16/9/2018, A đến nhà bà Nguyễn Thị X (là mẹ ruột của Thân) tại khu phố Mỹ Sơn, phường Xuân Thành, thị xã C và nói với bà Phương là A có quen biết với người ở Tuy A có thể lo cho Thân được tại ngoại nhưng bà Phương phải đưa cho A số tiền 20.000.000 đồng, do bà Phương chưa có tiền nên A để lại số điện thoại của A và hẹn khi nào bà Phương có tiền thì liên lạc với A để A sắp xếp thời gian cho bà Phương gặp người lo cho Thân được tại ngoại. Đến ngày 26/9/2018, bà Phương gọi điện thoại cho A đến nhận tiền thì A cùng với B đến nhà bà Phương. Tại đây, A và B nói dối, giới thiệu B là cán bộ ở Tuy A, có khả năng lo cho Thân được tại ngoại nên bà Phương đã tin tưởng giao số tiền 20.000.000 đồng cho A và B. Sau khi nhận tiền, A và B không lo cho Thân tại ngoại mà chia nhau sử dụng cá nhân.

Đến ngày 26/04/2019, Mai Văn V bị TAND thị xã C xử phạt 05 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy nên bà Phương nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu A, B trả lại số tiền 20.000.000 đồng thì A và B hẹn nhiều lần nhưng không trả nên ngày 06/8/2019, bà Phương làm đơn báo cáo sự việc nêu trên cho Công an phường Xuân Thành, thị xã C thì A và B trả lại cho bà Phương số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Vật chứng vụ án: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại vợ chồng ông Mai H và bà Nguyễn Thị X đã nhận đủ số tiền 20.000.000 đồng do Võ Quang A và Nguyễn Đức B khắc phục hậu quả và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản cáo trạng số 20/CT - VKSSC ngày 08/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C truy tố các bị cáo Võ Quang A, Nguyễn Đức B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C truy tố các bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, nên giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng số 20/CT - VKSSC ngày 08/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Quang A, Nguyễn Đức B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo Võ Quang A từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 65 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/8/2020. Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Vật chứng vụ án: không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về phần dân sự: Các bị cáo Võ Quang A, Nguyễn Đức B đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho người bị hại Mai H và Nguyễn Thị X, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa các bị cáo Võ Quang A, Nguyễn Đức B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 08/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C đã nêu. Các bị cáo đều thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của vợ chồng ông Mai H và bà Nguyễn Thị X là đúng tội, không oan gì cho các bị

cáo. Các bị cáo đã nộp trả lại cho vợ chồng ông Ánh bà Phương đủ số tiền 20.000.000đ mà các bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt.

Người bị hại vợ chồng ông Mai H và bà Nguyễn Thị X vắng mặt nhưng quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt cùng trình bày: Chính các bị cáo Võ Quang A, Nguyễn Đức B có hành vi lừa dối, tự giới thiệu bị cáo B là cán bộ ở Tuy A và các bị cáo đồng ý nhận 20.000.000đ để lo cho Mai Văn V (là con trai của các bị hại) đang bị tạm giam được tại ngoại nhưng các bị cáo không thực hiện được và không trả lại tiền cho người bị hại khi được yêu cầu. Quá trình làm việc tại CQĐT, các bị cáo đã trả lại số tiền 20.000.000đ để khắc phục hậu quả cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là sai nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

*Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thị xã C đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người bị hại đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng không có lý do. Các bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử, không đề nghị hoãn phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng quyết định xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Võ Quang A, Nguyễn Đức B tại phiên tòa sơ thẩm và tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai của người làm chứng, phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định: Chính bị cáo Võ Quang A và bị cáo Nguyễn Đức B biết rõ bản thân các bị cáo không có khả năng liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xin cho bị can Mai Văn V là con đẻ của vợ chồng ông Mai H và bà Nguyễn Thị X tại ngoại, Thân đang bị cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã C bắt tạm giam trong vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy”, nhưng các bị cáo lợi dụng vào sự quen biết Thân và biết Thân đang bị bắt tạm giam, đã đến nhà gặp

vợ chồng ông Ánh bà Phương là cha, mẹ bị can Thân để lừa lấy 20.000.000đ và nói lo cho Thân tại ngoại, thực chất sau khi lấy tiền các bị cáo đã chia nhau tiêu xài, mà không hề có động tác nào thể hiện lo cho Thân được tại ngoại cho đến khi bị phát hiện. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Do đó, quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 20/CT - VKSSC ngày 08/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan gì cho bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì để có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng của vợ chồng ông Mai H và bà Nguyễn Thị X. Nên cần xử lý tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại là thể hiện sự ăn năn, hối cải, các bị cáo được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên xét giảm cho bị cáo phần nào về hình phạt, để bị cáo an tâm cải tạo.

Vụ án có 02 bị cáo đều là người thực hiện tội phạm và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên xét vai trò từng bị cáo thực hiện có sự khác nhau cụ thể:

Đối với bị cáo Nguyễn Quang A là người đề xướng để cùng bị cáo Nguyễn Đức B thực hiện tội phạm, nhưng sau khi chiếm đoạt được số tiền 20.000.000đ A chỉ nhận 2.000.000đ, còn B 18.000.000đ. Khi bị vợ chồng ông Ánh bà Phương phát hiện đòi thì A nhiều lần yêu cầu B trả lại tiền, nhưng B không trả. Khi bị cơ quan công an làm việc, chính A đã mượn tiền trả thay cho B, sau đó B mới trả lại cho A. Nên mức hình phạt đối bị cáo A thấp hơn mức án phạt đối bị cáo B, nhưng vì bị cáo A đã từng bị Tòa án phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, nên không được xem là phạm tội lần đầu để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối bị cáo Nguyễn Đức B sau khi chiếm đoạt tài sản 20.000.000đ chỉ chia cho A 2.000.000đ, còn 18.000.000đ bị cáo B tiêu xài cá nhân, khi được A thông báo trả tiền lại cho bị hại đã cố tình không trả, đến khi công an xử lý mới trả lại tiền cho A đã bỏ ra trả cho bị hại trước. Nên cần xử lý mức án cao hơn bị cáo A. Xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả, có cha là liệt sĩ, bản

thân bị cáo ngoài lần phạm tội này chưa có lần phạm tội nào khác, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên không nhất thiết cách ly ra khỏi xã hội.

[5] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về vật chứng vụ án: không có nên HĐXX không xem xét.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho người bị hại Mai H và Nguyễn Thị X, người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[13] Về án phí: Các bị cáo Võ Quang A, Nguyễn Đức B, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. **Tuyên bố:** Các bị cáo Võ Quang A, Nguyễn Đức B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Võ Quang A.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức B.

### **Xử phạt:**

Bị cáo Võ Quang A **09** (chín) **tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Đức B **01** (một) **năm** tù cho hưởng án **treo**, thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/8/2020.

Giao bị cáo Nguyễn Đức B cho Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Tuy A, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Về hình phạt bổ sung: Không.

2. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 20.000.000đồng cho người bị hại Mai H và Nguyễn Thị X, người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

3. Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Võ Quang A, Nguyễn Đức B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND thị xã C (1);
- Cơ quan CSĐT Công an Tx. Sông Cầu (1);
- Sở tư pháp (1);
- THA HS thị xã thị xã C (1);
- THA DS thị xã thị xã C (1);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (1);
- Lưu HS, án văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Tôn**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Tôn**







**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Tôn**





